

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT

Ngày: 20 - 9 - 2021

V/v trA chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS, ngày 26/4/2021 về việc “trA chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2021/QĐ-PT, ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Đồng nguyên đơn:**

1. Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1927

2. Bà Lý Thị A, sinh năm 1934

Cùng địa chỉ, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn S:* Bà Lý Thị A, sinh năm 1934; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, “theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2018”.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị A:* Chị Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991; Địa chỉ: xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, “theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020”, có mặt.

**- Đồng bị đơn:**

1. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1953

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh ThA P:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, “theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018”, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ trụ sở: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ký Trọng N, Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện V, “theo văn bản ủy quyền số 53 ngày 05/11/2020”, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã L huyện V.

Địa chỉ trụ sở: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật:* Ông Nhan A D, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân xã L, vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị Thanh P, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

4. Ông Trịnh Minh Mẫn, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

5. Bà Trịnh Thị Thanh Vân, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

6. Bà Triệu Thị Cẩm Linh, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trịnh Minh M, bà Trịnh Thị Thanh V, bà Triệu Thị Cẩm L:* Bà Trịnh Thị Thanh P, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, “theo các văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019 và ngày 18/9/2019”, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/12/2018, ngày 25/9/2019 và lời khai tại phiên tòa, bà Lý Thị A là đồng nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn S trình bày:*

Phần đất trA chấp thứ nhất, diện tích đo đạc thực tế 223,10m<sup>2</sup> có nguồn gốc của vợ chồng ông bà khai phá cách đây trên 60 năm. Quá trình sử dụng đất để sử dụng đường thoát nước và đường máy cày lên xuống do phần đất này giáp với đất ruộng của ông bà. Phần đất này giáp với đất của ông bà và đất của vợ chồng ông Huỳnh ThA P và bà Bùi Thị H. Năm 2016, ông P và bà H lấn chiếm đất để trồng rẫy, ông bà có ngăn cản nhưng ông P và bà H vẫn sử dụng. Vào tháng 01 năm 2018, ông P và bà H yêu cầu vợ chồng ông bà ký giáp rA, ông bà không đồng ý và yêu cầu ông P, bà H trả đất nhưng không trả nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông P, bà H trả lại diện tích đất 223,10m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất trA chấp thứ hai, diện tích đo đạc thực tế 21,30m<sup>2</sup> là đất lòng kênh, trước năm 1975 vợ chồng ông bà đã trồng lá dừa nước sử dụng. Từ khi ông P, bà H về sống trên đất đã chiếm sử dụng phần đất này. Nay ông bà yêu cầu ông P và bà H trả

đất diện tích 21,30m<sup>2</sup>, ông bà đồng ý trả tiền công bồi đắp đất cho ông P và bà H.

*Bị đơn bà Bùi Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh ThA Prình bày:*

Nguồn gốc đất gia đình ông bà sử dụng do nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Quang L (tên tH gọi Ba Giác) vào năm 1991, với giá 03 giá lúa, do không làm giấy tờ nên không nhớ diện tích bao nhiêu. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà đã cất nhà ở và trồng cây trên đất. Năm 1999, ông bà được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi cấp quyền sử dụng đất số M 575954 ngày 25/02/1999 do hộ ông Huỳnh ThA P đứng tên, diện tích 7.035m<sup>2</sup>. Phần đất trA chấp diện tích 223,10m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà tại thửa đất 1725. Quá trình sử dụng đất ông bà đã cải tạo đất và trồng cây ăn trái. Do phần đất này là đất của ông bà nên ông bà không đồng ý trả đất.

Đối với phần đất trA chấp diện tích 21,30m<sup>2</sup>, nguồn gốc là lòng kênh cũ, quá trình sử dụng ông bà có trồng lá dừa nước sử dụng và bồi đắp đất từ năm 1995-1997 thành đất nền như hiện nay. Do phần đất này là đất của Nhà nước nên khi nào Nhà nước yêu cầu ông bà giao trả đất thì ông bà sẽ trả cho Nhà nước, không đồng ý trả đất cho ông Sáu và bà A.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị ThA Ph, ông Trịnh Minh M, bà Trịnh Thị ThA V, bà Trịnh Thị Cẩm L trình bày:* Các ông bà là con của ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A, phần đất trA chấp là của ông S, bà A, các ông bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông S, bà A.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V trình bày tại Công văn số 355/UBND-NC ngày 24/02/2020:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M575954 cấp cho hộ ông Huỳnh ThA P tại thửa 1725, tờ bản đồ số 4 được cấp theo thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu trên cơ sở quy định của Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phần đất trA chấp thứ hai có diện tích 21,3m<sup>2</sup> theo bản đồ giải thửa năm 1997 thì khu vực này là thêm kênh Cầu Sập -Ninh Quới, không có giải thửa; theo quy định của pháp luật thì người dân được tạm thời sử dụng phần đất này nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguồn gốc là đất lòng kênh, khi có căn cứ giải quyết trA chấp thì Tòa án giao cho một trong các bên đương sự tạm thời sử dụng theo hiện trạng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, người đại diện theo ủy quyền ông Trần ThA L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2020:* Phần đất diện tích 21,3m<sup>2</sup> là khu vực thêm kênh Cầu Sập-Ninh Quới, chỉ giao cho người dân tạm thời sử dụng, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; người dân được tạm thời sử dụng đất theo hiện trạng khi có căn cứ giải quyết trA chấp đất.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A đối với ông Huỳnh ThA P và bà Bùi Thị H về việc đòi lại diện tích đất

223,10m<sup>2</sup> là một phần thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 4 và diện tích 21,30m<sup>2</sup>, đều tọa lạc Ap61 T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tạm giao cho ông Huỳnh ThA P và bà Bùi Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 21,30m<sup>2</sup> tọa lạc tại T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nằm trong khu vực thêm kênh Cầu Sập -Ninh Quới cho đến khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng vào mục đích công cộng, đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa nông thôn có số đo 6,06m;

Hướng Tây giáp kênh Cầu Sập có số đo 6,10m;

Hướng Nam giáp đất không tra chấp của bà Lý Thị A có số đo 3,56m;

Hướng Bắc giáp đất không tra chấp của ông Huỳnh ThA P có số đo 3,57m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 2 năm 2021, đồng nguyên đơn ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà về việc yêu cầu ông P và bà H trả 02 phần đất đã lấn chiếm diện tích phần đất thứ nhất 223.10m<sup>2</sup>, phần đất thứ hai 21.30m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ap61 T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A và ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện V, Ủy ban nhân dân xã L, bà Trịnh Thị Thanh Ph, bà Trịnh Thị ThA V, bà Triệu Thị Cẩm L vắng mặt. Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần hai, các đương sự vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp gồm có 02 phần.

Phần đất thứ nhất, diện tích  $223,10m^2$ , có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất không tranh chấp của ông Huỳnh Thanh P có số đo 6,00m;

Hướng Tây giáp lộ nhựa nông thôn có số đo 6,03m;

Hướng Nam giáp đất không tranh chấp của bà Lý Thị A có số đo 37,7m;

Hướng Bắc giáp đất không tranh chấp của ông Huỳnh Thanh P có số đo 37,69m.

Hiện trạng trên đất có 11 cây dừa, 07 cây măng cầu, 01 cây vú sữa, 01 cây cóc, 01 cây xoài, 15 cây chuối, 01 cây mận, 06 cây đu đủ do ông P và bà H quản lý, sử dụng.

Phần đất thứ hai, diện tích  $21,30m^2$ , có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa nông thôn có số đo 6,06m;

Hướng Tây giáp kênh Cầu Sập có số đo 6,10m;

Hướng Nam giáp đất không tranh chấp của bà Lý Thị A có số đo 3,56m;

Hướng Bắc giáp đất không tranh chấp của ông Huỳnh Thanh P có số đo 3,57m.

Hiện trạng trên đất 01 cây xoài, 02 cây đu đủ và một số cây tạp do ông P và bà H quản lý, sử dụng.

[3] Xét nguồn gốc đất trA chấp theo ông S và bà A xác định: Do vợ chồng ông bà tự khai phá cách đây trên 60 năm; còn bà H thì xác định nguồn gốc đất là do bà nhận chuyển nhượng từ ông Lê Quang L vào năm 1991.

Người làm chứng ông Lê Quang L xác định tại biên bản xác minh ngày 02/6/2020: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng từ ông S M, sau đó ông chuyển nhượng lại cho ông P, bà H vào năm 1991, các lần chuyển nhượng đều không làm giấy tờ. Tuy nhiên, đến ngày 03/12/2020 ông L xác định không giữ nguyên lời khai vào ngày 02/6/2020 và không đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án. Người làm chứng ông Nguyễn Văn Th xác định tại biên bản xác minh ngày 02/6/2020: Nguồn gốc đất trA chấp là của ông S M chuyển nhượng cho ông L sau đó ông L chuyển nhượng lại cho bà H, còn phần đất ông Th đang sử dụng là nhận chuyển nhượng từ bà A. Ông Th xác định thời điểm chuyển nhượng đất thì bà A không chuyển nhượng đường mương, do bà A để lại sử dụng làm đường thoát nước. Còn lời khai của ông Nguyễn Văn Út A là trưởng ấp T xác định về nguồn gốc đất trA chấp có nhiều thay đổi, từ hộ này chuyển nhượng qua hộ khác rất nhiều lần, những lần giao dịch ông đều không trực tiếp chứng kiến.

Xét thấy: Nguồn gốc đất các bên đương sự trình bày không thống nhất và lời khai của những người làm chứng không rõ ràng, có sự thay đổi lời khai, lời

khai trước mâu thuẫn lời khai sau, nên lời khai của những người làm chứng không khách quan.

[4] Xét quá trình sử dụng đất thực tế và đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Phần đất tranh chấp thứ nhất, diện tích 223,10m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 1724, tờ bản đồ 04, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh ThA P vào ngày 25/02/1999. Quá trình quản lý, sử dụng ông P, bà H bồi đắp từ đất trũng thành đất vườn. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2019 xác định hiện trạng trên đất có 01 cây dừa loại A, 10 cây dừa loại C, 07 cây măng cầu loại C, 01 cây vú sữa loại B, 01 cây cóc loại A, 01 cây xoài loại B, 15 cây chuối, 01 cây mận loại B, 06 cây đu đủ. Các loại cây này do ông P và bà H trồng và quản lý, sử dụng.

Phần đất tranh chấp thứ hai, diện tích 21,30m<sup>2</sup>, Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã L xác định là đất thềm kênh, lòng kênh Cầu Sập – Ninh Quới, không có giải thửa, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Hiện trạng trên đất ông P, bà H cũng có trồng một số cây ăn trái và cây tạp.

Bà A thừa nhận diện tích đất tranh chấp 21,30m<sup>2</sup> gia đình ông P, bà H bồi đắp đất, trồng cây ăn trái như Xoài, Đu đủ và có một số cây tạp khác. Bà A cho rằng thời điểm ông P và bà H bồi đắp đất gia đình bà A có ngăn cản và trình báo chính quyền địa phương, nhưng ngoài lời trình bày ra bà A không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Từ đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông S và bà A khởi kiện ông P và bà H trả lại diện tích đất 21,30m<sup>2</sup>.

Ông P Văn S và bà Lý Thị A cho rằng hai phần đất tranh chấp trên là của ông bà, nhưng ông bà không trực tiếp quản lý sử dụng, không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, vào cùng thời điểm ngày 25/02/1999 ông S và bà A cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa khác, có thửa đất tiếp giáp với phần đất tranh chấp nhưng ông anh bà A không có kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất tranh chấp. Ông S, bà A có yêu cầu khởi kiện, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông, bà là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của P Văn S và bà Lý Thị A.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn S, bà Lý Thị A; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Văn S, bà Lý Thị A được miễn nộp toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn S, bà Lý Thị A;

giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A đối với ông Huỳnh ThA P và bà Bùi Thị H về việc đòi lại diện tích đất 223,10m<sup>2</sup> là một phần thửa đất số 1725, tờ bản đồ số 4 và diện tích 21,30m<sup>2</sup>, đều tọa lạc Ap61 T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tạm giao cho ông Huỳnh ThA P và bà Bùi Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 21,30m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Tân Long, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nằm trong khu vực thêm kênh Cầu Sập -Ninh Quới cho đến khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng vào mục đích công cộng, đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa nông thôn có số đo 6,06m;

Hướng Tây giáp kênh Cầu Sập có số đo 6,10m;

Hướng Nam giáp đất không trA chấp của bà Lý Thị A có số đo 3,56m;

Hướng Bắc giáp đất không trA chấp của ông Huỳnh Thanh P có số đo 3,57m.

(Mảnh trích đo địa chính thửa đất là một phần không thể tách rời bản án).

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 1.480.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A phải chịu và đã nộp xong.

**4. Về án phí:**

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng do ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí. Ông Trịnh Văn S và bà Lý Thị A đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0013325 ngày 26 tháng 12 năm 2018 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm, ông P Văn S và bà Lý Thị A được miễn theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**Trương ThA Dũng**